

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC LẠC
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 24 - 4 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẠC TỈNH THANH HOÁ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Văn Toàn

Bà Phạm Thị Diệu

- **Thư ký phiên toà:** Bà Lê Mỹ Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Bà Hoàng Thị Lanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2025/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị H; sinh năm: 2000; HKTT: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Đình Thị Hồng M, xóm A, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn Đ; sinh năm: 1995; HKTT: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà có mặt anh Đ, vắng mặt chị H. Chị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/02/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị H trình bày: Chị và anh Bùi Văn Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 19/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi về chung sống, cuộc sống vợ chồng không hoà thuận. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Từ giữa năm 2023 cho đến nay,

tuy vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm tới ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Phạm Hữu P, sinh ngày 23/4/2023. Từ khi sinh con đến tháng 07/2024, chị H ở nhà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P. Từ tháng 08/2024, chị đi làm nên gửi con cho ông bà nội chăm sóc. Hằng tháng chị vẫn về thăm con và gửi tiền cho bố chồng là ông Bùi Văn A và anh Đ tổng cộng là 04 lần để nuôi dưỡng cháu P. Nếu ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P. Không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, chị đang làm công nhân, thu nhập bình quân hằng tháng từ 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) đến 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), chị đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản: Chị H không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn là anh Bùi Văn Đ trình bày: Về ngày kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau khi về chung sống, cuộc sống vợ chồng không hoà thuận mà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hai bên gia đình đã hoà giải nhưng không có kết quả. Hiện vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm tới ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Phạm Hữu P, sinh ngày 23/4/2023. Từ cuối tháng 07/2024, chị H đi làm ở Bắc Ninh để cháu P cho anh Đ và ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh công nhận chị H có gửi tiền cho bố anh và anh tổng cộng là 04 lần để nuôi dưỡng cháu P. Nếu ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P. Không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay, anh đang làm công nhân cho Tập đoàn X, thu nhập bình quân hằng tháng khoảng 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), anh đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản: Anh Đ không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); chị H, anh Đ đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Về giao nhận, tổng đạt văn bản tố tụng Toà án đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn Đ. Giao cháu Bùi Phạm Hữu P, sinh ngày 23/4/2023 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H, anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Bùi Văn Đ, nơi cư trú tại Thôn T, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Chị Phạm Thị H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt chị H.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/6/2023 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm. Hiện vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm tới ai. Chị H và anh Đ đều thuận tình ly hôn tại phiên hoà giải trước khi mở phiên toà sơ thẩm. Căn cứ điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung. Chị H và anh Đ đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu. Nguyện vọng của hai bên là hoàn toàn chính đáng. Cả chị H và anh Đ đều có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu. Từ khi sinh con đến trước khi đi làm, chị H ở nhà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu P; sau khi đi làm, hằng tháng chị vẫn về thăm con và gửi tiền cho bố anh Đ và anh Đ để nuôi dưỡng cháu P. Xét thấy, cháu P chưa đủ 03 tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cháu được giao cho chị H trực tiếp nuôi. Để đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho cháu và phù hợp với quy định pháp luật. Chấp nhận yêu cầu của chị H: giao cháu P cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận ý kiến của chị H, đây là sự tự nguyện của chị H, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản: Chị H, anh Đ không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H, anh Đ thuận tình ly hôn tại phiên hoà giải trước khi mở phiên toà nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 55; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 271; 273 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn Đ.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Bùi Văn Đ có 01 con chung là cháu Bùi Phạm Hữu P, sinh ngày 23/4/2023. Giao cháu P cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị H, anh Đ không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc, theo biên lai số 0002539 ngày 11/3/2025. Chị H được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Bùi Văn Đ phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc thuận tình ly hôn.

Án xử công khai sơ thẩm. Anh Đ có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã Kiên Thọ;
- Chi cục THADS huyện;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Thịnh